

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **104/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 29-7-2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Trần Công Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lua là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Huyền C, sinh năm 1998 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 9, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trương Thị Huyền C trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hoàng A tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, luôn bất đồng ý kiến, ông A không lo làm ăn, không lo cho cuộc sống gia đình. Vợ chồng thường xuyên cự cãi, xô xát. Mâu thuẫn kéo dài ngày càng gay gắt không thể hòa giải hàn gắn được nên ông bà đã ly thân từ tháng 8 năm 2021 đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông A.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Chi sinh ngày 13/5/2015 và Trương Huỳnh Anh sinh ngày 29/12/2017 hiện do bà nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Nguyễn Hoàng A không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà Trương Thị Huyền C và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến con chung ngày 16/6/2022 thể hiện cháu Nguyễn Huỳnh Chi có nguyện vọng sống chung với bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Trương Thị Huyền C có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Hoàng A được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Bà Trương Thị Huyền C và ông Nguyễn Hoàng A tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2014. Tuy bà C và ông A xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nhưng trong quá trình chung sống đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông A không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Bà C, ông A có 02 người con chung tên Nguyễn Huỳnh Chi (nữ) sinh ngày 13/5/2015 và Trương Huỳnh Anh (nữ) sinh ngày 29/12/2017 hiện do bà C nuôi dưỡng. Trên cơ sở xem xét điều kiện để phát triển về mọi mặt của con chung và nguyện vọng của con chung từ đủ 07 tuổi trở lên, đồng thời không làm thay đổi cuộc sống đã ổn định của các cháu nên Hội đồng xét xử quyết định giao 02 người con chung cho bà C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà C xác định không có nên không yêu cầu giải quyết. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông A không cung cấp tài liệu, chứng cứ và văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của bà C. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm

300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 14, 53, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Trương Thị Huyền C và ông Nguyễn Hoàng A là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Chi (nữ) sinh ngày 13/5/2015 và Trương Huỳnh Anh (nữ) sinh ngày 29/12/2017 cho bà Trương Thị Huyền C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Hoàng A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Bà Trương Thị Huyền C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0010511 ngày 19/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà C, ông A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý